

NGÂN HÀNG NHÀ  
NƯỚC  
Số: 07/2001/TT-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2001

## THÔNG TƯ

***Hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tiền của nước có chung biên giới tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 140/2000/QĐ-TTg ngày 08/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ***

Căn cứ vào Điều 2 của Quyết định số 140/2000/QĐ-TTg ngày 08/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý tiền của nước có chung biên giới tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện Quy chế như sau:

### Mục I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng là cá nhân sử dụng tiền của nước có chung biên giới tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu. Cá nhân quy định trong Thông tư này bao gồm:

1.1. Cư dân biên giới là các đối tượng sau:

- Công dân Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại Khu vực biên giới;
- Công dân khác (bao gồm cả công dân Việt Nam ở ngoài Khu vực biên giới, công dân của nước có chung biên giới với Việt Nam) có đăng ký kinh doanh tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu.

1.2. Các cá nhân khác là người Việt Nam, người nước ngoài không thuộc đối tượng quy định tại Điểm 1.1 ở trên.

2. Cá nhân sử dụng tiền của các nước khác (không phải là tiền của nước có chung biên giới) tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu được thực hiện theo các

quy định tại Nghị định 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối và các quy định khác về quản lý ngoại hối có liên quan.

**3.** Việc sử dụng tiền của nước có chung biên giới của tổ chức ở trong Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu được thực hiện theo các quy định tại Nghị định 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về quản lý ngoại hối và các quy định khác về quản lý ngoại hối có liên quan.

## *Mục II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH*

Tiền của nước nào (Nhân dân tộc Trung quốc, Kíp Lào, Riel Campuchia) chỉ được sử dụng tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu tiếp giáp với nước ấy; cụ thể là:

- 1.** Nhân dân tộc Trung quốc được sử dụng tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu của Việt Nam tiếp giáp với Trung quốc hay được cất giữ, mang theo người trong phạm vi các tỉnh biên giới của Việt Nam tiếp giáp với Trung quốc.
- 2.** Kíp Lào được sử dụng tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu của Việt Nam tiếp giáp với Lào hay được cất giữ, mang theo người trong phạm vi các tỉnh biên giới của Việt Nam tiếp giáp với Lào.
- 3.** Riel Campuchia được sử dụng tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu của Việt Nam tiếp giáp với Campuchia hay được cất giữ, mang theo người trong phạm vi các tỉnh biên giới của Việt Nam tiếp giáp với Campuchia.
- 4.** Nhân dân tộc Trung quốc, Kíp Lào được sử dụng tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu hay được cất giữ, mang theo người tại tỉnh Lai Châu (là tỉnh có đường biên giới tiếp giáp với Trung quốc và Lào).
- 5.** Kíp Lào, Riel Campuchia được sử dụng tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu hay được cất giữ, mang theo người tại tỉnh Kontum (là tỉnh có đường biên giới tiếp giáp với Lào và Campuchia).

## *Mục III. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG*

Tiền của nước có chung biên giới được sử dụng vào các mục đích sau:

- 1.** Làm phương tiện thanh toán khi mua, bán hàng hoá, dịch vụ tại khu vực biên giới và khu vực kinh tế cửa khẩu giữa các cá nhân với nhau hay giữa cá nhân với tổ

chức kinh tế được Ngân hàng Nhà nước cho phép thu tiền của nước có chung biên giới;

**2.** Bán cho Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước cho phép kinh doanh ngoại hối (Ngân hàng được phép) hoặc Bàn đổi ngoại tệ đặt tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu hay đặt tại những nơi khác trong địa bàn tỉnh biên giới được Ngân hàng Nhà nước Việt nam cho phép;

**3.** Cất giữ, mang theo người:

3.1. Cá nhân được phép cất giữ, mang theo người tiền của nước có chung biên giới trong phạm vi các tỉnh biên giới có chung biên giới với một nước (Nhân dân tộc được cất giữ, mang theo người ở các tỉnh có chung biên giới với Trung Quốc, hoặc Kíp được cất giữ, mang theo người ở các tỉnh có chung biên giới với Lào hoặc Riel được cất giữ, mang theo người ở các tỉnh có chung biên giới với Campuchia).

3.2. Công dân của nước có chung biên giới với Việt Nam có đăng ký kinh doanh tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu, nếu được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép đi vào các tỉnh trong nội địa, có nhu cầu mang theo người tiền của nước có chung biên giới với mục đích mang theo người hoặc để bán cho Ngân hàng được phép phải gửi hồ sơ cho Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh biên giới trên địa bàn. Hồ sơ gồm Giấy đề nghị (Mẫu phụ lục số 1) và giấy phép vào các tỉnh trong nội địa do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (trường hợp nộp bản sao thì phải có bản gốc để đối chiếu).

Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh biên giới trên địa bàn cấp hoặc không cấp Giấy chấp thuận cho mang tiền của nước có chung biên giới vào các tỉnh nội địa (Mẫu phụ lục số 2). Trường hợp không cấp Giấy chấp thuận, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh biên giới trên địa bàn phải có văn bản thông báo rõ lý do;

3.3. Người nước ngoài khi nhập cảnh vào Việt Nam bằng hộ chiếu hay giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, nếu đã khai báo Hải quan cửa khẩu số tiền của nước có chung biên giới thì được mang theo người số tiền mặt này ra khỏi tỉnh biên giới vào các tỉnh trong nội địa, không cần phải có sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước;

3.4. Công dân Việt Nam nhập cảnh bằng hộ chiếu, nếu đã khai báo Hải quan cửa khẩu số tiền của nước có chung biên giới thì được mang theo người số tiền mặt này ra khỏi tỉnh biên giới vào các tỉnh trong nội địa, không cần phải có sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước;

3.5. Ngoài các trường hợp nêu tại Điểm 3.2, 3.3 và 3.4 trên, cá nhân không được phép mang theo người tiền của nước có chung biên giới vào các tỉnh trong nội địa; trước khi vào các tỉnh trong nội địa, cá nhân có tiền của nước có chung biên giới phải bán cho Ngân hàng được phép, Bàn đổi ngoại tệ hoặc gửi lại dưới hình thức giữ hộ tại Ngân hàng được phép trên địa bàn tỉnh biên giới.

**4. Được mang theo người khi xuất, nhập cảnh qua các cửa khẩu biên giới.**

Cá nhân (bao gồm cả cá nhân là người nước ngoài) xuất, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới bằng hộ chiếu, giấy thông hành hoặc chứng minh thư biên giới do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước có chung biên giới cấp có mang theo người tiền mặt là Đồng Việt Nam, tiền của nước có chung biên giới hay ngoại tệ khác vượt mức quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì phải khai báo Hải quan cửa khẩu. Trường hợp xuất cảnh từ Việt Nam ra nước ngoài mang trên mức quy định phải có giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Các quy định về mức Đồng Việt Nam, mức tiền của nước có chung biên giới hay các loại ngoại tệ khác được mang ra, mang vào khi xuất, nhập cảnh và thủ tục, thẩm quyền cấp giấy phép đối với các trường hợp xuất cảnh mang vượt mức quy định thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

**5. Đầu tư vào Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu đối với trường hợp là công dân nước ngoài.** Việc đầu tư thực hiện theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.

#### *Mục IV. MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN ĐỒNG VIỆT NAM*

##### **1. Điều kiện mở tài khoản**

Cá nhân người nước ngoài là công dân của nước có chung biên giới với Việt Nam, được phép kinh doanh tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu, có Đồng Việt Nam thu được từ việc bán hàng hoá và cung ứng dịch vụ và các nguồn thu

Đồng Việt Nam khác được pháp luật Việt Nam cho phép, được mở và duy trì tài khoản Đồng Việt Nam tại các Ngân hàng được phép đặt tại các tỉnh biên giới.

## **2. Thủ tục mở, đóng tài khoản**

Do Ngân hàng nơi mở tài khoản Đồng Việt Nam quy định.

## **3. Sử dụng tài khoản**

Cá nhân người nước ngoài là công dân của nước có chung biên giới được phép sử dụng tài khoản Đồng Việt Nam theo quy định sau:

### **3.1. Phần thu**

- a) Thu chuyển khoản hay nộp tiền mặt từ việc bán hàng hoá, dịch vụ tại Việt Nam cho các tổ chức và cá nhân tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu;
- b) Thu chuyển khoản hay nộp tiền mặt từ việc bán tiền của nước có chung biên giới hay các loại ngoại tệ khác cho Ngân hàng được phép hay Bàn đổi ngoại tệ;
- c) Thu chuyển khoản hay nộp tiền mặt từ các nguồn thu khác được pháp luật Việt Nam cho phép.

### **3.2. Phần chi**

- a) Chi thanh toán mua hàng hóa, dịch vụ cho các tổ chức và cá nhân kinh doanh tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu;
- b) Chi mua tiền của nước mình tại các Ngân hàng được phép hay các Bàn đổi ngoại tệ tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu để chuyển về nước;
- c) Rút tiền mặt để chi tiêu tại Việt Nam;
- d) Chi cho các mục đích khác được pháp luật Việt Nam cho phép.

## **Mục V. BÀN ĐỔI NGOẠI TỆ CỦA NGÂN HÀNG**

**1. Tổng giám đốc (Giám đốc) các Ngân hàng được phép tùy theo điều kiện và khả năng của Ngân hàng mà quyết định thành lập các Bàn đổi ngoại tệ tại Khu vực biên giới và Khu vực kinh tế cửa khẩu để thực hiện nghiệp vụ mua, bán Đồng Việt Nam với tiền của nước có chung biên giới và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình và kết quả kinh doanh của Bàn đổi ngoại tệ.**

Việc mua, bán các loại ngoại tệ khác được áp dụng theo Quy chế hoạt động của Bàn đổi ngoại tệ do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành và các quy định khác về